

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÔNG CÁO BÁO CHÍ VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ SƠ BỘ TỔNG ĐIỀU TRA NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP NĂM 2025

Ngày 07/6/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 484/QĐ-TTg về tổ chức Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025, đây là cuộc Tổng điều tra lần thứ 6 tại Việt Nam về lĩnh vực nông thôn, nông nghiệp. Mục đích của Tổng điều tra nhằm thu thập thông tin cơ bản để biên soạn các chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội phục vụ việc đánh giá thực trạng, phân tích xu hướng biến đổi, xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển nông thôn, tình hình sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, đánh giá tình hình phát triển nông thôn trên phạm vi cả nước cũng như của từng địa phương.

Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 được thực hiện trong bối cảnh nhu cầu thông tin đầy đủ, toàn diện về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ngày càng gia tăng nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển nông thôn, nông nghiệp của quốc gia. Năm 2025 cả nước thực hiện nhiều đổi mới trong tổ chức bộ máy quản lý hành chính, đặc biệt là việc áp dụng chính quyền địa phương hai cấp. Do đó, nhu cầu về thông tin, số liệu thống kê phân tổ theo đơn vị hành chính mới là cấp thiết, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành tại các cấp.

Ban Chỉ đạo Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 trung ương do Thủ tướng Chính phủ thành lập đã chỉ đạo tổ chức thực hiện thắng lợi cuộc Tổng điều tra trên phạm vi toàn quốc. Sau 05 tháng hoàn thành công tác thu thập thông tin tại địa bàn, dữ liệu Tổng điều tra được tổng hợp để biên soạn Báo cáo kết quả sơ bộ, đồng thời làm cơ sở biên soạn Báo cáo kết quả chính thức và các Báo cáo chuyên đề của Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 trong thời gian tới.

1. Công tác tổ chức thực hiện Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025

Thời gian thu thập thông tin: Thu thập thông tin được tiến hành trong 30 ngày, từ ngày 01 đến ngày 30/7/2025. Để đáp ứng thông tin phân tổ theo đơn vị hành chính cấp xã mới, một số thông tin phiếu xã được mở rộng thời gian thu thập thông tin so với kế hoạch ban đầu.

Các loại phiếu điều tra và phương pháp thu thập thông tin thống kê: Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 sử dụng 07 loại phiếu hỏi chính và bổ sung 02 phiếu hỏi trong quá trình thực hiện để biên soạn số liệu theo đơn vị hành

chính cấp xã mới. Trong đó, phiếu điều tra áp dụng đối với các hộ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là 03 phiếu; áp dụng đối với các trang trại là 01 phiếu; áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là 01 phiếu; áp dụng đối với UBND xã là 01 phiếu chính và bổ sung 02 phiếu trong quá trình triển khai để đáp ứng nhu cầu thông tin của đơn vị hành chính mới từ ngày 01/7/2025; áp dụng đối với các đơn vị có hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản do Bộ Quốc phòng quản lý (bao gồm các doanh nghiệp) là 01 phiếu.

Để thu thập thông tin theo yêu cầu, Tổng điều tra áp dụng kết hợp phương pháp phỏng vấn trực tiếp, gián tiếp và sử dụng phiếu hỏi điện tử để thu thập thông tin (đối với các đơn vị hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản do Bộ Quốc phòng quản lý sử dụng phiếu giấy in sẵn). Đối với phương pháp thu thập thông tin gián tiếp sử dụng Phiếu Webform (đối với các phiếu điều tra: Xã; doanh nghiệp, hợp tác xã, điều tra trực tiếp sử dụng CAPI).

Lực lượng chỉ đạo, tổ chức và tham gia Tổng điều tra: Ban Chỉ đạo các cấp từ trung ương đến địa phương được thành lập và kiện toàn theo các mốc thời gian gắn với thay đổi cơ cấu tổ chức bộ, ngành và địa phương nhưng công tác Tổng điều tra vẫn được chỉ đạo thực hiện thông suốt và không bị gián đoạn. Trong đó, trước thời điểm ngày 01/7/2025, có tổng số 7.922 Ban Chỉ đạo các cấp được thành lập với 76.495 thành viên; từ ngày 01/7/2025, kiện toàn và thành lập 3.018 Ban Chỉ đạo trung ương, cấp tỉnh, cấp xã và Ban Chỉ đạo của Bộ Quốc phòng với tổng số 26.199 thành viên; Tổ Thường trực trung ương và 34 Tổ thường trực cấp tỉnh được thành lập với hơn 1.200 thành viên. Các ban chỉ đạo, Tổ thường trực làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 trung tập một lượng lớn lực lượng tham gia điều tra, gồm: 90 giám sát viên trung ương; 4.853 giám sát viên cấp tỉnh, 9.920 tổ trưởng và 131.552 điều tra viên thống kê.

Tổ chức các hội nghị chuẩn bị Tổng điều tra: Ban Chỉ đạo trung ương, Ban Chỉ đạo Bộ Quốc phòng và Ban Chỉ đạo các cấp tại địa phương tổ chức 4.266 hội nghị trên toàn quốc với tổng số 269.450 lượt đại biểu tham dự. Trong đó, Ban Chỉ đạo trung ương tổ chức 04 hội nghị cấp trung ương gồm 02 hội nghị do Trưởng ban Ban Chỉ đạo trung ương chủ trì và 02 hội nghị do Phó Trưởng ban chủ trì; tổng số đại biểu tham dự 04 hội nghị là 2.009 đại biểu (gồm đại biểu dự trực tiếp và trực tuyến). Ban Chỉ đạo Bộ Quốc phòng tổ chức 04 hội nghị với tổng số 1.560 đại biểu tham dự. Ban Chỉ đạo các cấp tại địa phương tổ chức 4.258 hội nghị với tổng số 265.881 lượt đại biểu tham dự.

Số lượng các đơn vị điều tra đã cung cấp thông tin: Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 thu thập thông tin cơ bản của 15.838.814 hộ thuộc khu vực nông thôn; thu thập thông tin của các đơn vị điều tra là hộ, trang trại, doanh nghiệp, hợp tác xã, UBND xã. Cụ thể:

Thông tin của 13.627.804 hộ dân cư có hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tại 34 tỉnh, thành phố. Trong đó, 1.625.447 hộ thuộc khu vực thành thị và 12.002.357 hộ thuộc khu vực nông thôn;

Thông tin của 29.662 đơn vị hoạt động theo hình thức trang trại (trong đó, 28.349 đơn vị đạt tiêu chí để tổng hợp số liệu về trang trại) tại 33/34 tỉnh, thành phố. Trong tổng số đơn vị hoạt động theo hình thức trang trại được thu thập thông tin, 2.671 đơn vị thuộc khu vực thành thị và 26.991 đơn vị thuộc khu vực nông thôn.

Thông tin của 14.321 doanh nghiệp, hợp tác xã tại 24/34 tỉnh, thành phố. Trong đó, 3.666 doanh nghiệp, hợp tác xã đóng tại khu vực thành thị và 10.655 doanh nghiệp, hợp tác xã đóng tại khu vực nông thôn.

Thông tin của 8.309 xã và thị trấn (trong đó, 7.693 xã và 616 thị trấn) trước thời điểm ngày 01/7/2025 và thông tin của 2.633 xã đối với các xã thời điểm ngày 01/7/2025.

2. Kết quả sơ bộ Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025

Kết quả sơ bộ Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 phản ánh bức tranh tương đối toàn diện về phát triển nông thôn, nông nghiệp Việt Nam trong giai đoạn 2016-2025. Sau 10 năm, kết cấu hạ tầng nông thôn được cải thiện rõ rệt, mạng lưới điện quốc gia đã phủ khắp các xã và hầu hết các thôn và đang tiếp tục mở rộng khai thác các nguồn năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối; hệ thống giao thông nông thôn tiếp tục được mở rộng và nâng cấp cả về quy mô và chất lượng, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, phát triển dịch vụ, du lịch, thu hút đầu tư và tăng cường liên kết vùng, qua đó làm thay đổi căn bản diện mạo nông thôn. Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có chuyển biến tích cực, các hộ sản xuất nhỏ lẻ đang chuyển dần sang sản xuất quy mô lớn với số trang trại, doanh nghiệp, hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản ngày càng tăng.

Tiếp cận điện ở nông thôn: Thời điểm 01/7/2025, 100% số xã và 99,72% số thôn trên cả nước có điện. Hiện nay khu vực nông thôn có 218 công trình năng lượng sạch với tổng công suất khoảng 15 nghìn MW, bao gồm 136 công trình điện năng lượng mặt trời; 74 công trình điện gió và 8 công trình điện sinh khối.

Giao thông ở nông thôn: Trước thời điểm 01/7/2025, cả nước có 99,74% xã có đường ô tô từ trụ sở UBND cấp xã đến trụ sở UBND cấp huyện¹; 98,08% số thôn có đường ô tô từ trụ sở UBND cấp xã đến điểm dân cư của thôn. Tại thời điểm 01/7/2025, có 55,15% xã có điểm dừng đón, trả khách của phương tiện công cộng.

Giáo dục ở nông thôn: Thời điểm 01/7/2025, 100% số xã trên cả nước có hệ thống trường, điểm trường mẫu giáo, tiểu học; 99,66% số xã có trường, điểm trường trung học cơ sở; 46,03% xã có trường trung học phổ thông.

¹ Theo đơn vị hành chính trước khi sáp nhập.

Thiết chế văn hóa nông thôn: Thời điểm 01/7/2025, có đến 99,43% xã có hệ thống loa truyền thanh; 94,87% xã có đài truyền thanh; 93,32% xã có nhà văn hóa; 92,59% xã có sân thể thao và 56,55% xã có thư viện.

Thiết chế văn hóa còn được mở rộng xuống cấp thôn. Cả nước có 59.632 thôn có nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng, chiếm 93,73% tổng số thôn; 39.885 thôn có khu thể thao thôn, chiếm 62,69%; 10.608 thôn có thư viện thôn, chiếm 16,67%; 59.062 thôn đã được trang bị hệ thống loa truyền thanh xã, chiếm 92,84%.

Y tế cơ sở: Cùng cố, phát triển y tế cơ sở tương đối đồng đều giữa các vùng, bảo đảm mạng lưới chăm sóc sức khỏe ban đầu phủ kín trên phạm vi cả nước. Thời điểm 01/7/2025, cả nước có 99,92% xã có trạm y tế; 99,32% xã có trạm y tế được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế.

Vệ sinh môi trường ở nông thôn: Đã có nhiều chuyển biến tích cực về vệ sinh môi trường ở nông thôn. Thời điểm 01/7/2025, cả nước có 97,19% xã có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt chung với 26.563 thôn (chiếm 41,75% tổng số thôn) có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt chung; có 89,10% xã có tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt với 69,60% số thôn có tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt; 76,53% xã có điểm thu gom chai lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn: Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn diễn ra mạnh mẽ. Cả nước có 15,57% xã có khu công nghiệp; 8,28% xã có khu đô thị; 2,47% xã có khu chế xuất.

Các làng nghề nông thôn tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt bước tiến quan trọng, tạo ra những thay đổi toàn diện cả về vật chất lẫn tinh thần đối với đời sống người dân khu vực nông thôn. Cả nước có 567 xã có làng nghề, chiếm 21,53% xã của cả nước.

Tổ chức sản xuất và dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp: Tổ chức sản xuất và dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp tiếp tục được củng cố. Thời điểm 01/7/2025, có 87,43% xã có chợ; 83,97% xã có điểm/cửa hàng cung cấp giống, vật tư và nguyên liệu cho sản xuất, hoặc thu mua sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản; 42,61% xã có ngân hàng/chi nhánh ngân hàng; 32,70% xã có quỹ tín dụng nhân dân; 47,78% xã có tổ hợp tác.

Hộ và lao động khu vực nông thôn: Có sự chuyển dịch hộ và lao động khu vực nông thôn, thể hiện ở việc giảm dần tỷ trọng hộ và lao động hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, đồng thời tăng tỷ trọng hộ và lao động hoạt động trong các lĩnh vực phi nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Thời điểm 01/7/2025, cả nước có 15,84 triệu hộ nông thôn. Trong đó, có 8,02 triệu hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 50,61% tổng số hộ nông thôn, giảm 3,05 điểm phần trăm so với năm 2016; số hộ phi nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt hơn 6,95 triệu hộ, chiếm 43,92%, tăng 3,89 điểm phần trăm. Đáng chú ý, trong 8,02 triệu hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản thì 85,75% số hộ có nguồn thu nhập lớn nhất từ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản và 14,25% hộ có nguồn thu nhập lớn nhất không phải từ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Thời điểm 01/7/2025, số lao động hoạt động trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 51,94% tổng số lao động khu vực nông thôn cả nước, giảm 4,36 điểm phần trăm so với năm 2016; tỷ trọng lao động phi nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 48,06% (năm 2016 chiếm 43,7%).

Hộ và lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản cả nước: Thời điểm 01/7/2025 có hơn 9,01 triệu hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 2,94% so với năm 2016 (giảm 272,9 nghìn hộ sau 10 năm), trong đó hộ nông nghiệp chiếm 90,13% tổng số hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 3,97%; hộ thủy sản chiếm 7,8% và giảm 1,17%; riêng hộ lâm nghiệp chiếm 2,07% và tăng 61,4% so với năm 2016.

Năm 2025, số lao động trong các hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản là 19,01 triệu người, giảm 12,8% so với năm 2016. Lao động đang hoạt động trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản của hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản là 16,9 triệu người, chiếm 88,9% tổng số lao động hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản, trong đó: Hộ nông nghiệp 15,39 triệu người, chiếm 91,01%; hộ thủy sản 1,14 triệu người, chiếm 6,74%; hộ lâm nghiệp 380 nghìn người, chiếm 2,25%.

Trang trại: Số lượng trang trại tăng mạnh trong giai đoạn 2020 - 2025², phản ánh xu hướng phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng khoa học, công nghệ, bảo đảm an toàn sinh học và thân thiện với môi trường, từng bước thay thế mô hình sản xuất nhỏ lẻ.

Thời điểm 01/7/2025, cả nước có 28.349 trang trại, tăng 37,54% so với năm 2020, trong đó: 10.881 trang trại trồng trọt, chiếm 38,38% số trang trại cả nước; 13.812 trang trại chăn nuôi, chiếm 48,72%; 2.920 trang trại thủy sản, chiếm 10,3% và 492 trang trại tổng hợp, chiếm 1,74%.

Với sự phát triển của khoa học và công nghệ, các trang trại áp dụng vào cơ giới hóa, tự động hóa vào sản xuất nên hiệu quả sản xuất tăng và lao động thủ công giảm. Cả nước có 85,97 nghìn lao động thường xuyên tại các trang trại, giảm 5,75% so với năm 2020 (giảm 5,25 nghìn lao động). Lao động bình quân trên một trang trại cũng giảm từ 4,43 lao động/trang trại năm 2020 xuống 3,03 lao động/trang trại năm 2025. Vốn bình quân một trang trại đạt 4,02 tỷ đồng/trang trại.

² Số lượng trang trại được so sánh với năm 2020 do tiêu chí xác định trang trại từ năm 2020 đến nay sử dụng thống nhất tiêu chí tại Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ NNPTNT.

Giá trị sản phẩm bình quân của trang trại trồng trọt trong 12 tháng trước thời điểm 01/7/2025 đạt 2,0 tỷ đồng/trang trại, tăng 6,2% so cùng kỳ năm 2020, chủ yếu từ sản lượng cây ăn trái và rau màu; trang trại thủy sản có mức thu 6,5 tỷ đồng/trang trại, tăng 8,5%, tập trung vào các trang trại nuôi tôm thẻ chân trắng, nuôi cá tra; trang trại lâm nghiệp có mức thu khoảng 1,7 tỷ đồng/trang trại, tăng 1,8%.

Doanh nghiệp và hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Số lượng doanh nghiệp và hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng đều qua các năm. Tính đến ngày 31/12/2024, cả nước có 5.966 doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 55,12% so với thời điểm 31/12/2015, thu hút được 214,1 nghìn lao động, giảm 18,77% so với thời điểm 31/12/2015; vốn sản xuất kinh doanh bình quân của doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 84,39 tỷ đồng/doanh nghiệp, tăng 41,38% so với thời điểm 31/12/2015. Thời điểm 01/7/2025, cả nước có 8.334 hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh, tăng 11,98% so với năm 2015, sử dụng 54,9 nghìn lao động (bình quân 6,6 lao động/hợp tác xã), giảm 40,82% so với năm 2015; vốn sản xuất kinh doanh bình quân của các hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 4,67 tỷ đồng/hợp tác xã, tăng 167,52% so với năm 2015.

Cánh đồng lớn: Mô hình cánh đồng lớn tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong tiến trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, góp phần mở rộng quy mô sản xuất, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị, chuẩn hóa quy trình sản xuất và hình thành các vùng nguyên liệu hàng hóa tập trung, đáp ứng yêu cầu chế biến, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn thị trường. Thời điểm 01/7/2025, có 1.318 cánh đồng lớn được triển khai ở 460 xã trên địa bàn 28 tỉnh, thành phố. Trong đó, 1.185 cánh đồng lớn sản xuất lúa, chiếm 89,91% tổng số cánh đồng lớn cả nước, tập trung chủ yếu ở 2 vùng trọng điểm lúa cả nước là Đồng bằng sông Hồng với 395 cánh đồng lớn (chiếm 33,33% số cánh đồng lớn trồng lúa cả nước) và Đồng bằng sông Cửu Long 335 cánh đồng lớn (chiếm 28,27%). Cơ cấu này cho thấy mô hình cánh đồng lớn vẫn tập trung chủ yếu vào cây lúa - loại cây trồng có diện tích canh tác lớn, tính đồng nhất cao và giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

Bên cạnh những kết quả quan trọng đạt được, tình hình kinh tế - xã hội nông thôn và sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Kết cấu hạ tầng nông thôn phát triển nhưng chưa đồng đều giữa các vùng, miền. Quá trình chuyển dịch cơ cấu hộ và lao động nhìn chung còn chậm. Quy mô sản xuất tuy đã được nâng lên nhưng sản xuất nhỏ vẫn phổ biến, số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản còn ít, mô hình cánh đồng lớn chưa nhiều. Đời sống cư dân nông thôn ở một số nơi còn gặp khó khăn, chịu tác động của thiên tai, dịch bệnh và biến động thị trường./.